

Bản án số: 40/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21/01/2025

*“v/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chát

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thà và ông Phạm Công Định

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 483/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 581/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 396/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1977; nơi cư trú: Xóm B, thôn X, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người được nguyên đơn ủy quyền về việc giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Anh Đoàn Hồng H1, sinh năm 1990; nơi cư trú: Khu dân cư K, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Hoàng N, sinh năm 1975; nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Xóm B, thôn X, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Hàn Quốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Hoàng N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T (nay là xã Đ, huyện T), tỉnh

Hải Dương vào ngày 27/11/1995. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống cùng nhau tại nhà anh N. Thời gian đầu, chị và anh N vẫn vui vẻ, hạnh phúc. Năm 2017, anh N đi lao động tại Hàn Quốc. Sau đó khoảng 01 năm thì vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng sống xa cách nên tình cảm nhạt dần, mỗi lần nói chuyện chị và anh N đều xảy ra cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Từ đó, vợ chồng chị ít liên lạc với nhau, nếu có anh N cũng chỉ gọi về nói chuyện với các con. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Hoàng N.

Về quan hệ con chung: Chị và anh N có 03 chung là Phạm Hoàng L, sinh ngày 26/8/1996; Phạm Thị Tuyết M, sinh ngày 13/10/2001; Phạm Xuân N1, sinh ngày 03/11/2011. Hiện cháu L và cháu M đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, chị xin được nuôi cháu N1. Chị và anh N tự thỏa thuận về vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị H không cung cấp được địa chỉ của anh Phạm Hoàng N ở Hàn Quốc nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh N. Chị Phạm Thị L1 (là chị gái anh N) trình bày: Chị không biết địa chỉ cụ thể của anh N ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh N vẫn thỉnh thoảng liên lạc với chị qua điện thoại. Chị đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh N biết. Quan điểm của anh N là do vợ chồng không còn tình cảm nên chị H xin ly hôn, anh N đồng ý. Về con chung: Anh N xác định vợ chồng có 03 con chung như chị H trình bày. Sau khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung là Phạm Xuân N1, sinh ngày 03/11/2011 cho chị H nuôi dưỡng. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh cấp dưỡng tiền nuôi con, anh nhất trí. Đối với cháu L và cháu M đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Anh N vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Phạm Hoàng N. Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm Xuân N1, sinh ngày 03/11/2011 đến khi cháu N1 trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con. Đối với cháu Phạm Hoàng L, sinh ngày 26/8/1996 và Phạm Thị Tuyết M, sinh ngày 13/10/2001 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn anh Phạm Hoàng N hiện đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc, nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ của anh N tại Hàn Quốc. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu chị H và gia đình anh N cung cấp địa chỉ, nhưng chị H và gia đình anh N không cung cấp được. Chị Phạm Thị L1 (là chị gái anh N) xác định anh N vẫn thỉnh thoảng liên lạc với chị, chị H có đơn xin ly hôn, anh N đã biết nhưng không cung cấp địa chỉ và không gửi ý kiến trình bày bằng văn bản cho Tòa án. Do vậy, căn cứ Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo quy định.

[1.3] Tại phiên tòa, chị H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Hoàng N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T (nay là xã Đ, huyện T), tỉnh Hải Dương vào ngày 27/11/1995 nên là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị H trình bày năm 2017 anh N đi lao động tại Hàn Quốc. Sau đó khoảng 01 năm, chị và anh N xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống xa cách nên tình cảm phai nhạt, thường xuyên xảy ra cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn, thông qua gia đình anh N có quan điểm đồng ý ly hôn chị H. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh N đã trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị H được ly hôn anh N là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Hoàng N có 03 con chung là Phạm Hoàng L, sinh ngày 26/8/1996; Phạm Thị Tuyết M, sinh ngày 13/10/2001; Phạm Xuân N1, sinh ngày 03/11/2011. Đối với cháu L và cháu M đã trưởng thành, khỏe mạnh bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Đối với cháu N1, hiện đang ở cùng chị H. Sau khi ly hôn, chị H và anh N đều có quan điểm giao cháu N1 cho chị H nuôi dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận của chị H và anh N là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu N1, phù hợp với các quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Chị H và anh N tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về các vấn đề sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Phạm Hoàng N.

1.2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị H được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm Xuân N1, sinh ngày 03/11/2011 kể từ tháng 01/2025 cho đến khi cháu N1 tròn 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với cháu Phạm Hoàng L, sinh ngày 26/8/1996 và Phạm Thị Tuyết M, sinh ngày 13/10/2001 đã trưởng thành, khỏe mạnh bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) do anh Đoàn Hồng H1 nộp thay, theo Biên lai thu tiền số 0005163 ngày 02 tháng 10 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Ủy ban nhân dân xã Đại Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chất